Vấn đề giải quyết hậu quả chiến tranh trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ**

Hoàng Cẩm Thanh*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. HCM

Ngày nhận bài: 18/03/2019, ngày gửi phản biện: 8/05/2019, ngày duyệt đăng: 06/06/2019

Từ sau khi kết thúc chiến tranh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, quan hệ hai bên diễn ra nhiều thăng trầm, trong đó việc đối mặt và giải quyết các hậu quả lẫn đi sản chiến tranh đóng vai trò không nhỏ trong tiến trình quan hệ song phương ấy. Mặt khác, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không chỉ là quan hệ đối tác quan trọng đối với Việt Nam mà còn có những đặc điểm rất thú vị. Điểm đặc biệt ấy sẽ được khai thác khi nhìn nhận tác động của vấn đề này trong sự phát triển quan hệ song phương của hai chủ thể. Bài viết phân tích vai trò của việc giải quyết hậu quả chiến tranh trong việc tạo ra những điều kiện và cơ sở giúp Việt Nam và Hoa Kỳ nối lại sự đối thoại, trao đổi để có thể hòa giải, giúp cho quá trình bình thường hóa quan hệ diễn ra, cũng như xây dựng niềm tin trong quá trình hợp tác trong tương lai.

Từ khóa: Việt Nam, Hoa Kỳ, hậu quả chiến tranh, chiến tranh

Mở đầu

Sau khi kết thúc chiến tranh, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ rơi vào giai đoạn căng thẳng, việc hợp tác giải quyết vấn đề hậu quả chiến tranh có vai trò như một lực kéo, đồng thời như một lực đẩy giúp thay đổi cách nhìn nhận nhau giữa hai bên đối với quá trình thúc đẩy bình thường hóa quan hệ hai nước. Vấn đề hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh giữa hai nước bắt đầu khởi động sau 5 năm kết thúc chiến tranh trong bối cảnh có nhiều thay đổi ở hai nước. Tuy nhiên, do sự tác động của Chiến tranh Lạnh, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vẫn chưa được bình thường hóa, thậm chí rơi vào tình trạng căng thẳng, đối đầu sau khi Việt Nam đưa quân tình nguyện vào giúp nhân dân Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng Khmer Đỏ (năm 1979). Mặc dù vậy, việc hợp tác giải quyết những hậu quả của chiến tranh vẫn được hai nước duy trì, và là điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh quan hệ giữa hai nước không phát triển. Thực tế trong giai đoạn này chính các hoạt động hợp tác giải quyết các vấn đề chiến tranh giữa hai nước đã giúp hai nước thiết lập mối quan hệ ở các cấp độ như thể chế, ngoại giao, hợp tác hành động. Chính các vấn đề giải quyết hậu quả chiến tranh giữa hai nước đã giúp hai bên *"bình thường hóa"* mối quan hệ ngay cả trước khi có những tuyên bố chính thức giữa hai Chính phủ (Demmer, Amanda C., 2017, tr.235).

1. Hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ giai đoạn 1995-2000

Sau năm 1975, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ rơi vào giai đoạn căng thẳng, việc hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh giữa hai nước bắt đầu khởi động sau 5 năm khi kết thúc chiến tranh, trong bối cảnh có nhiều thay đổi ở hai nước. Tuy nhiên, do sự chi phối của Chiến tranh lạnh, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ vẫn chưa được bình thường hóa, thậm chí rơi vào tình trạng căng thẳng, đối đầu sau khi Việt Nam đưa quân tình

* hoangthanh611@gmail.com

**Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài, mã số T2018-08.

nguyên vào giúp Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng Khmer Đỏ (năm 1979). Mặc dù vậy, việc hợp tác giải quyết những hậu quả của chiến tranh vẫn được hai nước duy trì, và là điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh quan hệ giữa hai nước không phát triển.

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, đến thời kỳ cầm quyền của Tổng thống Bill Clinton,vấn đề dỡ bỏ cấm vận với Việt Nam được xem xét và đưa ra thảo luận trước Quốc hội với các tính toán về lợi ích xoay quanh về cơ hội thương mại với Việt Nam, phản ứng của các nhóm lợi ích và dân chúng trước vấn đề Tù binh và người Mỹ mất tích trong chiến tranh (POW/MIA). Phía Việt Nam, trong quan hệ với Hòa Kỳ vẫn giữ quan điểm coi việc giải quyết POW/MIA là vấn đề nhân đạo, trong phát biểu của Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm vào ngày 4/10/1994 nhấn mạnh: *"Chúng tôi coi việc giải quyết vấn đề MIA là công việc nhân đạo mà truyền thống nhân nghĩa dân tộc Việt Nam đòi hỏi phải làm. Hiện nay hai nước đã hình thành cơ chế có hiệu quả nhất để giải quyết vấn đề này. Việt Nam đã và sẽ làm hết sức mình hợp tác với phía Mỹ giải quyết càng sớm càng tốt vấn đề này"* (Bộ Ngoại Giao Việt Nam, 1995).

Ngày 11/7/1995, trong tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam, Tổng thống Hoa Kỳ Clinton ghi nhận các nỗ lực giải quyết vấn đề POW/MIA của Hà Nội trong thời gian qua và tiếp tục nỗ lực giải quyết 55 trường hợp còn lại (Trang web C-Span.Org). Đến cuối năm 1995 (ngày 19/12/1995), Bill Clinton phủ quyết đạo luật H.R. 2076, trong đó có đề cập đến vấn đề ngăn chặn các hoạt động bình thường hóa quan hệ ngoại giao hoàn toàn với Việt Nam cho đến khi có tiến triển trong vấn đề POW/MIA (Manyin, Mark E., 2005). Ngày 6/8/1995, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Christopher mở đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội và đại sứ quán Việt Nam ở Washington mở cửa ngày 5/8/1995. Đáp lại các bước đi trên trong Tuyên bố của Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhấn mạnh lập trường của Việt Nam rằng *"xuất phát từ tình thần nhân đạo, chính phủ và nhân dân Việt Nam sẽ làm hết sức mình hợp tác với Hoa Kỳ nhằm kiếm kê một cách đầy đủcó thể được những người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam"* (Trần Nam Tiến, 2010, tr.50-51). Trong chuyến thăm chính thức đầu tiên đến Việt Nam, Ngoại trưởng Hoa Kỳ W. Christopher đã dự lễ đưa tiễn bốn hài cốt quân nhân Mỹ tại sân bay Nội Bài (Hà Nội) từ phía Việt Nam tìm kiếm trao cho Hoa Kỳ; đồng thời có chuyến thăm trung tâm tìm kiếm người Mỹ mất tích tại Hà Nội. Có thể thấy các kết quả đạt được trong việc giải quyết vấn đề POW/MIA là nội dung quan trọng để hai bên từ đó đánh giá mối quan hệ song phương và thay đổi các nhìn nhận về nhau, tạo tiền đề cho những thay đổi tiếp theo.

Mặc dù Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton đã tuyên bố bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, các quan ngại về vấn đề POW/MIA vẫn tiếp tục tồn tại ở Quốc hội Hoa Kỳ. Tổng thống Clinton cũng ban hành Chỉ thị Tổng thống (President Determination 96-28) vào ngày 30/5/1996 trong đó nhấn mạnh Việt Nam đã hợp tác một cách đầy với Hoa Kỳ để giải quyết vấn đề POW/MIA. Đại sứ Hoa Kỳ đầu tiên sau chiến tranh được tổng thống Hoa Kỳ bổ nhiệm là cựu tù nhân trong chiến tranh Việt Nam, Đại sứ Douglas Peterson vào tháng 5/1997 (Manyin, Mark E., 2005). Trong năm 1997, một bước tiến quan trọng là chính quyền Bill Clinton quyết định bãi bỏ áp dụng điều khoản Jackson-Vanik đối với Việt Nam vào tháng 3/1998. Trước những thay đổi từ khi bình thường hóa quan hệ, Richard Childress (quan chức phụ trách vấn đề POW dưới thời Tổng thống Ronald Reagan) bình luận rằng: *"Chính quyền Clinton đã có những bước tiến nhanh và xa trong chương trình nghị sự với Việt Nam..."* (U.S. Senate, 1998). Mặcdù Childress nghi ngờ các nỗ lực hợp tác tìm kiếm MIA của Việt Nam, Childress nhấn mạnh, những bước đi của Chính quyền Clinton vừa qua được xây dựng thông qua việc giải quyết các vấn đề POW/MIA. Tranh cãi về vấn đề POW/MIA với Việt Nam lần các điều kiện hợp tác tìm kiếm POW/MIA với mối liên hệ về các cơ hội hợp tác kinh tế được thảo luận

rất dài và trọng tâm trong buổi điều trần về việc gia hạn bãi bỏ điều khoản Jackson-Vanik vào tháng 7/1998. Bên cạnh các ý kiến nghi ngờ của Childress thì Bruce Harter, Giám đốc An ninh quốc gia Hoa Kỳ về cựu binh tham chiến ở nước ngoài ủng hộ việc gia hạn bãi bỏ điều khoản Jackson-Vanik vì Harter cho rằng Việt Nam đã hợp tác rất tốt với chính quyền Hoa Kỳ để cùng tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh: *"...nỗ lực hợp tác của Việt Nam tìm kiếm POW/MIA có thể xem là một ví dụ điển hình cho sự từ tế và sự hỗ trợ mà chúng ta mong mỏi có được từ phía Trung Quốc trong vấn đề tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh Triều Tiên"* (U.S. Senate, 1998, tr.35).

Với những lần gia hạn bãi bỏ điều khoản Jackson-Vanik của Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton vào các năm 1998, 1999, 2000, thì tháng 7/2000 hai nước ký kết Hiệp định thương mại song phương. Trước đó vào tháng 1/1999, Việt Nam dành Quy chế tối huệ quốc đối với các công ty Hoa Kỳ làm ăn ở Việt Nam dù Hiệp định thương mại song phương chưa kí. Ngoài việc ký kết Hiệp định thương mại song phương, hợp tác quốc phòng giữa hai bên bắt đầu khởi động với chuyến viếng thăm chính thức đầu tiên của Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ, William Cohen gặp gỡ Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam vào tháng 3/2000 (Stern, Lewis M., 2009). Chuyến thăm này được đánh giá còn nhiều e dè và cần trọng từ phía Việt Nam về ý định của Washigton cũng như ưu tiên chính vẫn là vấn đề tiếp tục hợp tác tìm kiếm người Mỹ mất tích với phía Hoa Kỳ (Stern, Lewis M., 2009). Trong bài phát biểu của Tổng thống Bill Clinton tại Đại học Quốc gia Hà Nội khi ông Clinton đến thăm Việt Nam năm 2000, hậu quả cuộc chiến và những nỗ lực hợp tác của Việt Nam với Hoa Kỳ trong việc tìm kiếm người Mỹ mất tích trong cuộc chiến được Tổng thống Clinton trân trọng nhắc đến:

"... chúng tôi biết ơn những người dân làng Việt Nam đã giúp đỡ chúng tôi tìm kiếm những người Mỹ mất tích, giúp cho gia đình họ tìm thấy bình yên khi biết được điều gì đã xảy ra với những người yêu thương của họ. Chưa có hai quốc gia nào có thể cùng nhau hành động như hai nước trong việc tìm kiếm những người mất tích trong cuộc chiến. Những nhóm người Mỹ và Việt Nam đã làm việc cùng nhau, thậm chí ở những nơi khó khăn và nguy hiểm. Chính phủ Việt Nam đã cung cấp cho chúng tôi hồ sơ và thông tin hỗ trợ công việc tìm kiếm. Và ngược lại, chúng tôi đã cung cấp cho Việt Nam gần 400.000 trang hồ sơ hỗ trợ Việt Nam tìm kiếm. Trong chuyến đi này, tôi cũng mang theo 350.000 trang hồ sơ với hy vọng sẽ giúp các gia đình Việt Nam tìm ra điều gì đã xảy đến với những người yêu thương đã mất tích trong chiến tranh" (Phát biểu của tổng thống Mỹ Bill Clinton, 2000). Những hậu quả chiến tranh khác như thảo gỡ bom, mìn còn lại sau chiến tranh Việt Nam và giải quyết hậu quả chất độc hóa học tại Việt Nam là hai vấn đề được Tổng thống Clinton đề cập trong phát biểu. Về phía Việt Nam, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trong bài phát biểu cũng nhấn mạnh *"quá khứ là gốc rễ, là nền tảng, là sức mạnh của hiện tại và tương lai"* và Việt Nam *"tôn trọng sự lựa chọn, cách sống và chế độ chính trị của các dân tộc. Chúng tôi cũng đòi hỏi các nước tôn trọng chế độ chính trị, sự lựa chọn của dân tộc chúng tôi"* (Lê Khả Phiêu 2000, tr.12).

Như vậy, sau các kết quả hợp tác giải quyết POW/MIA, Việt Nam và Hoa Kỳ tiếp tục bắt tay giải quyết những hậu quả trực tiếp để lại tại Việt Nam. Mặc dù, Việt Nam có những yêu cầu thúc đẩy phía Hoa Kỳ xem xét và có trách nhiệm về vấn đề này, theo đánh giá thì chính quyền Clinton chỉ có những bước đi rất chậm chạp trước các yêu cầu từ phía Việt Nam. Qua sự kiện này, có thể thấy hai bên cùng chia sẻ quan điểm làm lành vết thương chiến tranh, chia sẻ nỗi đau, mất mát, tổn thất của cuộc chiến để hai bên cùng làm việc và trao đổi với nhau và còn mở ra hợp tác để giải quyết những hậu quả còn lại.

2. Hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ giai đoạn từ năm 2001 đến nay

Kế thừa các chính sách đối với Việt Nam từ thời Tổng thống Clinton, Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush tiếp tục gia hạn bãi bỏ điều khoản Jackson-Vanik đối với Việt Nam trong năm đầu tiên nhiệm kỳ của mình (tháng 6/2001)và trong năm tiếp theo (năm 2002 và năm 2004), đồng thời chuyển yêu cầu Quy chế bình thường thương mại có điều kiện (NTR) đối với Việt Nam đến Quốc hội Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, Hiệp định thương mại song phương hai nước cũng đã được thông qua vào tháng 10/2001 (Burghardt, Raymond F., 2006, tr.152). Trong thời gian này, chính sách đối ngoại của Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh đường lối đối ngoại mở rộng, hòa bình, hữu nghị. Trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX (tháng 4/2001) nhấn mạnh: *"Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"* (Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2001, tr.119).

Với việc kí Hiệp định thương mại, hai bên đi gần đến chặng đường bình thường hóa quan hệ hoàn toàn (về mặt pháp lý), vì đây là tiền đề để Hoa Kỳ xem xét trao cho Việt Nam Quy chế Thương mại bình thường vĩnh viễn (permanent NTR). Trong những năm này, Việt Nam tiếp tục nỗ lực trong các cuộc đàm phán để có thể gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào đầu năm 2005, mà một trong những đối tác khó khăn nhất chính là Hoa Kỳ (Manyin, 2005, tr.7).Và sau hơn 10 năm nộp đơn gia nhập WTO, trải qua 14 phiên họp đa phương, Việt Nam chính thức được tổ chức WTO kết nạp thành viên vào ngày 7/11/2006. Ngày 21/11/2006, Tổng thống Hoa Kỳ George Bush đã kí duyệt Quy chế Thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) với Việt Nam. Sự kiện này tiếp nối chuyến thăm quan trọng của Tổng thống Hoa Kỳ Bush và Ngoại trưởng Hoa Kỳ Condaleeza Rice trong chuyến thăm đến Việt nam dự Hội nghị thượng đỉnh APEC tại Hà Nội từ ngày 17 đến ngày 20/11/2006 (Bộ Ngoại Giao Việt Nam, 2006). Tuyên bố chung giữa Chủ tịch nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết và Tổng thống Hoa Kỳ Bush, hai bên vẫn tiếp tục đề cập đến nỗ lực hợp tác giải quyết vấn đề tìm kiếm người mất tích trong chiến tranh. Tuyên bố chung này còn nhắc đến nỗ lực từ phía Hoa Kỳ cùng Việt Nam hợp tác tìm kiếm người Việt Nam mất tích (Bộ Ngoại Giao Việt Nam, 2006). Tính đến cuối năm 2005, có 837 bộ hài cốt của quân nhân Hoa Kỳ chết trong chiến tranh tại Việt Nam đã được hồi hương và trong số đó có hơn 520 bộ đã được nhận dạng và đưa đi chôn cất. Trong buổi lễ hồi hương vào tháng 10/2005, tại sân bay Nội Bài, Đại sứ Hoa Kỳ Michael Marine đã cảm ơn và đánh giá cao chính sách nhân đạo, thiện chí và sự hợp tác hiệu quả của Việt Nam trong vấn đề này (Bộ Ngoại Giao Việt Nam, 2005).

Trong chuyến thăm của Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Rumsefeld đến Việt Nam vào tháng 6/2006, hai bên tiếp tục cam kết mở rộng hợp tác tìm kiếm và ứng dụng công nghệ cao để định vị, tìm kiếm và xác định hài cốt lính Mỹ mất tích ở cả dưới nước (Manyin, Mark E., 2009, tr.20).Trong chuyến thăm của Chủ tịch nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết đến Hoa Kỳ năm 2007, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết khẳng định lần nữa, đây là hoạt động nhân đạo và Việt Nam thường xuyên chủ động cùng hợp tác với phía Hoa Kỳ và làm hết sức mình để hỗ trợ Hoa Kỳ mặc dù chính Việt Nam cũng đang phải giải quyết hậu quả tương tự như vậy (Nội dung phỏng vấn chủ tịch Việt Nam và CNN, 2007).

Mặt khác, vấn đề hậu quả chất độc da cam bắt đầu nhận được sự chú ý nhiều hơn dưới áp lực và yêu cầu từ phía Việt Nam trong quan hệ hai nước cũng như là ưu tiên của Chính phủ Việt Nam trong quan hệ với Hoa Kỳ từ giai đoạn này. Đáng chú ý là vụ kiện Hội Nạn nhân Chất độc da cam/dioxin Việt Nam đối với 37 công ty Hoa Kỳ phải bồi thường thiệt hại vì đã sản xuất chất độc hóa học này tại Tòa án Liên bang Hoa Kỳ ở Quận

Brooklyn, New York vào đầu năm 2004. Kết quả là thẩm phán tòa án đã bác đơn kiện của các nạn nhân chất độc da cam/dioxin. Tuy vậy, trong chuyến thăm của Tổng thống Bush đến Việt Nam vào cuối năm 2006, hai bên đã ra tuyên bố chung về việc giải quyết các vấn đề về chất độc màu da cam/dioxin. Và trước chuyến thăm của Chủ tịch nước Việt Nam Nguyễn Minh Triết vào tháng 6 thì cuối tháng 5/2007, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua gói tài trợ 3 tỷ USD để tẩy độc các khu vực sân bay Đà Nẵng, chương trình này sẽ được Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ(USAID) điều phối ở Việt Nam (Congressional Research Service 2019, tr.4). Vấn đề này cũng tiếp tục đưa ra bàn thảo trong cuộc gặp giữa Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng và Tổng thống Hoa Kỳ Bush trong chuyến thăm Hoa Kỳ vào tháng 6/2008 (Bộ Ngoại Giao, 2008). Hai bên đưa ra tuyên bố chung, trong đó có ba điểm quan trọng liên quan đến hợp tác kinh tế, quốc phòng và giải quyết hậu quả chiến tranh. Hoa Kỳ cảm ơn sự hợp tác của Việt Nam trong nỗ lực nhân đạo của hai bên nhằm kiểm kê đầy đủ nhất những quân nhân Hoa Kỳ mất tích. Các đợt tìm kiếm chung trong thời gian qua đã giúp nhận dạng và hồi hương 629 hài cốt quân nhân Hoa Kỳ. Chính phủ Hoa Kỳ sẽ tiếp tục hỗ trợ tìm kiếm thông tin về người mất tích của Việt Nam. Mặt khác, việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường tại các khu vực chứa chất dioxin trước đây ở Việt Nam đã được hai lãnh đạo đề cập (Bộ Ngoại Giao, 2008). Từ năm 2007, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua gói tài trợ 3 tỷUSD cho các hoạt động sức khỏe cộng đồng ở những vùng bị nhiễm độc, các dự án tẩy độc sân bay Đà Nẵng. Trong đó có gói tài trợ cho người khuyết tật và cải thiện đời sống của người khuyết tật, tuy nhiên không nói rõ là nạn nhân đo bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, chương trình được duy trì và triển khai bởi Tập đoàn *Development Alternatives* đến tháng 1/2016 thì dừng lại. Hoạt động chính trong việc khắc phục hậu quả này là dự án thải độc môi trường sân bay Đà Nẵng được hai bên triển khai từ năm 2008, tuy nhiên dự án triển khai có phần bị chậm trễ do chi phí tăng và theo ước tính của USAID, thay vì hoàn tất năm 2013 thì dự án vẫn còn tiếp tục kéo dài. Đến ngày 7/11/2018, Chính phủ hai nước đã hoàn thành dự án thải độc sân bay Đà Nẵng. Tiếp theo sân bay Đà Nẵng là sân bay Biên Hòa, bộ quốc phòng hai bên đã ký biên bản ghi nhớ về việc tẩy độc sân bay Biên hòa vào ngày 23/1/2018, dự án vẫn đang được tiến hành (Congressional Research Service, 2019, tr.8-20).

Việc giải quyết hậu quả chiến tranh vẫn luôn là chủ đề quan trọng trong các cuộc họp cấp cao thông qua các đánh giá nỗ lực hợp tác của hai bên, đặc biệt là yêu cầu liên tục được nhắc lại từ phía Chính phủ Việt Nam về trách nhiệm của Hoa Kỳ trong việc giải quyết hậu quả chiến tranh ở Việt Nam. Năm 2013 đánh dấu 25 năm Việt Nam và Hoa Kỳ triển khai hoạt động hỗn hợp tìm kiếm hài cốt quân nhân Mỹ, trong phát biểu tại buổi kỉ niệm, Thứ trưởng Hà Kim Ngọc nhấn mạnh ý nghĩa của sự hợp tác này là khởi nguồn của quan hệ hợp tác giữa hai nước,dẫn đến bình thường hóa quan hệ hai nước cho đến nay và hoạt động này vẫn đang góp phần vào sự phát triển chung của hai bên. Tương tự như các phát biểu về vấn đề này, ông Ngọc cũng nhấn mạnh đến những hậu quả chiến tranh mà Việt Nam đang phải gánh chịu như 300.000 liệt sỹ mất tích trong chiến tranh, hàng trăm ngàn tấn bom mìn chưa được tháo gỡ, nhiều điểm nóng chất độc dioxin, hàng vạn người dân là nạn nhân của chiến tranh, Thứ trưởng Hà Kim Ngọc cũng đề nghị phía Hoa Kỳ tăng cường trợ giúp Việt Nam trong việc giải quyết hậu quả chiến tranh, đặc biệt liên quan đến tẩy độc da cam, rà phá bom mìn, tìm kiếm bộ đội Việt Nam mất tích trong chiến tranh (Bộ Ngoại Giao, 2013). Bên cạnh đó, bà Ann Mills Griffiths, Chủ tịch Liên đoàn Quốc gia các gia đình POW/MIA Hoa Kỳ tại Đông Nam Á, cũng đã gửi thư "*bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc về sự hợp tác mà Chính phủ và nhân dân Việt Nam trong hơn hai thập kỷ qua cho lĩnh vực hợp tác nhân đạo này..., khẳng định sự hợp tác hai bên trong lĩnh vực này là minh chứng cụ thể cho thế giới về những gì các quốc gia, thậm chí là cựu thù, có thể đạt được khi cùng nhau nỗ lực trên tinh thần hợp tác xây dựng, nhân đạo,*

thiện chí. ."(Bailey, Charles R., 2009). Trong năm 2009 và năm 2014, hai bên có bốn cuộc hồi hương hài cốt quân nhân Mỹ, đến tháng 6/2014 là đợt trao trả hài cốt thứ 131 (Bộ Ngoại Giao 2009)

3. Kết luận

Quan hệ ngoại giao hai nước Việt Nam - Hoa Kỳ kể từ khi kết thúc chiến tranh năm 1975 cho đến khi kỷ niệm 20 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao đã trải qua rất nhiều sự kiện, trong đó mang nặng tính lịch sử và chịu tác động của các di sản chiến tranh Thực tế, chính các hoạt động hợp tác giải quyết các vấn đề chiến tranh giữa hai nước đã giúp hai nước thiết lập mối quan hệ ở các cấp độ như thể chế, ngoại giao, hợp tác hành động.Trong cuộc thảo luận về các tiến bộ và khó khăn trong việc giải quyết các di sản chiến tranh ở Trung tâm Stimson, Washington, Hoa Kỳ vào tháng 9/2015, đại sứ Việt Nam Hà Kim Ngọc đã nhấn mạnh việc giải quyết hậu quả chiến tranh là vấn đề quan trọng và hai nước còn nhiều việc phải làm. Đồng thời, trong buổi nói chuyện các chuyên gia cũng nhấn mạnh cần đẩy nhanh hợp tác và hiệu quả vì có thể có sự thay đổi về chính sách của Hoa Kỳ trong 5 đến 7 năm tới, sẽ không còn nhiều thời gian (Stimson Center, 2015). Có thể thấy, mối quan tâm của Việt Nam vẫn tiếp tục làm sao để duy trì hợp tác với Hoa Kỳ giải quyết các hậu quả còn lại để đảm bảo lợi ích quốc gia, cũng như cho người dân Việt Nam.

Tóm lại, di sản chiến tranh mà biểu hiện là việc hợp tác giải quyết các hậu quả chiến tranh trong quá trình hòa giải, bình thường hóa quan hệ, chia sẻ thông tin, xây dựng niềm tin giữa Việt Nam và Hoa Kỳ vừa mang tính lịch sử, vừa có vai trò là cầu nối, là cơ sở để hai bên cùng xây dựng mối quan hệ song phương. Đồng thời, việc nhìn nhận những di sản ấy thông qua quan điểm, các phát biểu, cách nói của các nhà lãnh đạo, của Chính phủ hai bên là chỉ dấu cho thấy mức độ hợp tác lẫn khả năng phát triển mối quan hệ trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Allen, Michael (2009), *Until the Last Man Comes Home: POWs, MIAs, and the Unending Vietnam War*, The University of North Carolina Press, North Carolina.

2. Bailey, Charles R. (2009), *Resolving the Legacy of the Vietnam War*, American Public Health Association.

3. Barbara J. Keys (2014), *Reclaiming American Virtue: The Human Rights Revolution of the 1970s*, Havard University Press, MA.

4. Bộ Ngoại giao (1995), *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

5. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2008), *Tuyên bố chung giữa Hợp chúng quốc Hoa Kỳ và Việt Nam*, http://www.mofahcm.gov.vn/en/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns080626155948, ngày truy cập 28/8/2018.

6. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2008), *Phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc gặp báo chí chung với Tổng thống Goerge Bush tại Nhà Trắng*, http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns080626090505, ngày truy cập 28/12/2018.

7. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2009), *Lễ hồi hương hài cốt quân nhân Hoa Kỳ*, http://www.mofahcm.gov.vn/en/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns090624173034, ngàytruy cập 28/8/2018.

8. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2013), *Lễ kỷ niệm 25 năm Việt Nam - Hoa Kỳ triển khai hoạt động hỗn hợp tìm kiếm hài cốt quân nhân Hoa Kỳ mất tích trong chiến tranh tại Việt Nam (1988 2013)*,

http://www.mofahcm.gov.vn/en/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns130926173335, ngày truy cập 28/8/2018.

9. Burghardt, Raymond F. (2006), *Old Enemies Become Friends· US and Vietnam*, https://www.brookings.edu/opinions/old-enemies-become-friends-u-s-and-vietnam/, ngày truy cập 28/8/2018

10. Congressional Research Service (2019), *U.S. Agent Orange/Dioxin Assistance to Vietnam*, https://fas.org/sgp/crs/row/R44268.pdf, ngày truy cập 28/8/2018.

11. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thức IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Hiebert, Murray (2014), *A New Era in US-Vietnam Relations: Deepening Ties Two Decades After Normalization*, CSIS.

13. Kupchan, Charles A. (2010), *How Enemies Become Friends: the Sources of Stable Peace*, Princeton University Press, New Jersey.

14. Laderman, Scott & Adwin A. Martini ed. (2013), *Four Decades On: Vietnam, The United States, and the Legacies of the Second Indochina War, Duke University Press*, Durham and London.

15. Lê Khả Phiêu (2000), "Quá khứ là gốc rễ là nền tảng là sức mạnh của hiện tại và tương lai", *Tạp chí Công sản* (23).

16. Lê Văn Quang (2005), *Quan hệ Việt - Mỹ thời kì sau Chiến Tranh Lạnh 1990-2000*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Manyin, Mark. E (2002, 2003, 2006, 2008, 2009, 2010, 2011, 2014, 2016), *The Vietnam-U.S. Normalization Process*, Congressional Research Service.

18. Martini, Edwin (2007), *Invisible Enemies The American War on Vietnam, 1975-2000*, University of Massachusetts Press.

19. Nguyễn Mại (chủ biên) (2007), *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ· hướng về phía trước*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

20. Nguyễn Thúy Quỳnh (chủ biên) (2018), *Hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh ở Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân.

21. *Nội dung phỏng vấn chủ tịch Việt Nam và CNN (2007)*, http://transcripts.cnn.com/TRANSCRIPTS/0706/24/le.01.html, ngày truy cập 28/8/2018.

22. Stern, Lewis M. (2009), *U.S.-Vietnam Defense Relations: Deepening Ties, Adding Relevance*, https://www.files.ethz.ch/isn/121075/SF246.pdf, ngày truy cập 28/7/2018.

23. Stimson Center (2015), *Progress and Obstacles in Addressing War Legacy Issues in Southeast Asia*, https://www.stimson.org/content/progress-and-obstacles-addressing-war-legacy-issues-southeast-asia, ngày truy cập 19/12/2018.

24. *Toàn văn phát biểu của Tổng thống Mỹ Bill Clinton*, https://www.c-span.org/video/?66095-1/us-vietnam-diplomatic-relations, ngày truy cập 15/12/2018.

25. Trần Nam Tiến (2010), *Quan hệ Việt Nam Hoa Kỳ· thực trạng và triển vọng*, Nxb. Thông tin và truyền thông, Hà Nội.

26. U.S. Senate, "Chronology of Normalization of Relations Between the U.S. and Vietnam," *Hearing Before the Subcommittee on International Trade of Committee of Finance*, 105th Congress, 2nd session. July 7, 1998, 32-34,https://www.finance.senate.gov/imo/media/doc/hrg105-933.pdf, ngày truy cập 15/7/2018.